

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định số lượng cán bộ, công chức
xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi tắt là cấp xã*) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Số lượng cán bộ, công chức

Xã loại 1: 23 cán bộ, công chức.

Xã loại 2: 21 cán bộ, công chức.

Xã loại 3: 19 cán bộ, công chức.

2. Chức danh, số lượng cán bộ, công chức theo từng chức danh

TT	Chức danh	Số lượng		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
I	Chức danh Cán bộ	12	12	11
1	Bí thư Đảng ủy	1	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy (Thường trực Đảng ủy nơi không có Phó Bí thư)	1	1	1
3	Chủ tịch HĐND	1	1	1
4	Phó chủ tịch HĐND	1	1	1

TT	Chức danh	Số lượng		
		Xã loại 1	Xã loại 2	Xã loại 3
5	Chủ tịch UBND	1	1	1
6	Phó chủ tịch UBND	2	2	1
7	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam	1	1	1
8	Bí thư Đoàn TNCS HCM	1	1	1
9	Chủ tịch Hội LH Phụ nữ Việt Nam	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	1	1	1
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1
II	Chức danh công chức	11	9	8
1	Trưởng Công an	1	1	1
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1
3	Văn phòng – thống kê	3	2	1
4	Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường (đối với xã)	2	1	1
5	Tài chính – kế toán	1	1	1
6	Tư pháp – hộ tịch	1	1	1
7	Văn hóa – xã hội	2	2	2

3. Chế độ chính sách của cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện, kinh phí chi trả chế độ, chính sách đối với công chức dôi dư do thực hiện kiện toàn, sắp xếp theo Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dư do thực hiện kiện toàn, sắp xếp theo Quyết định này.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai, kiểm tra việc thực hiện ở các xã, phường, thị trấn và tổng hợp, báo cáo hàng năm về Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

4. Chủ tịch UBND cấp xã: Tổ chức quán triệt trong nhận thức đối với đội ngũ cán bộ, công chức về mục đích, sự cần thiết, lợi ích của việc kiện toàn, sắp xếp cán bộ, công chức, tạo sự đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức; Rà soát, bố trí cán bộ, công chức đúng trình độ chuyên môn, theo vị trí việc làm, có biện pháp đảm bảo hoạt động ổn định của tổ chức; Lập danh sách và dự toán kinh phí giải quyết chế độ dôi dư cho cán bộ, công chức theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 03/4/2020.

2. Bãi bỏ Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 11/01/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và tổ chức ấp, khóm thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Căn cứ Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi bầu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 2 vẫn tiếp tục thực hiện 01 người.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- TT. TU&HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL –Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (02);
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, 2.05.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**